

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TT, TP HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2021/QĐST-DS

TT, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 29/3/2021. Về việc tranh chấp mốc giới Quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1961; và bà Chu Thị X, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: BT, khu phố NS, thị trấn QO, huyện QA, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** + Ông Vũ Thái S, sinh năm 1967 và bà Đồng Thị Thu H, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: Số 23, THS, THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

+ Ông Lưu Quang B, sinh năm 1959. Phòng 308, nhà 17, T9, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 30 - T3, Ciputra, phường XD, quận BTL, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hiện tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 67, của ông Trần Văn H và bà Chu Thị X tại địa chỉ: Thôn C 1, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CU 262599, ngày 19/3/2020. Số vào sổ cấp GCN: 18198, bị cấp chồng lấn sang các hộ liền kề so với hiện trạng thực tế đang sử dụng.

2.1. Nay các đương sự tiếp giáp thửa đất của ông Trần Văn H và bà Chu Thị X, là các hộ liền kề Phía Đông giáp thửa đất của ông Lưu Quang B, phía Tây giáp thửa đất của ông Trần Văn H, phía Nam giáp đường tỉnh lộ 446, phía Bắc giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị Thanh H. Cùng thống nhất xác định ranh giới là các điểm mốc được đánh số thứ tự từ, số 01 đến số 11 có các tọa độ cụ thể như sau:

Điểm 01 có tọa độ Trục X 2320547.178; Trục Y có tọa độ 548716.438.

Điểm 02 có tọa độ Trục X 2320536.423; Trục Y có tọa độ 548743.096.

Điểm 03 có tọa độ Trục X 2320520.070; Trục Y có tọa độ 548738.745.

Điểm 04 có tọa độ Trục X 2320498.006; Trục Y có tọa độ 548733.027.

Điểm 05 có tọa độ Trục X 2320476.391; Trục Y có tọa độ 548727.618.

Điểm 06 có tọa độ Trục X 2320457.174; Trục Y có tọa độ 548722.931.

Điểm 07 có tọa độ Trục X 2320446.113; Trục Y có tọa độ 548720.292.

Điểm 08 có tọa độ Trục X 2320418.443; Trục Y có tọa độ 548713.195.

Điểm 09 có tọa độ Trục X 2320421.498; Trục Y có tọa độ 548710.503.

Điểm 10 có tọa độ Trục X 2320442.832; Trục Y có tọa độ 548690.542.

Điểm 11 có tọa độ Trục X 2320547.178; Trục Y có tọa độ 548716.438.

2.2. Yêu cầu các bên tôn trọng ranh giới bất động sản liền kề theo chiều thẳng đứng từ trên không gian xuống dưới lòng đất (có sơ đồ cụ thể kèm theo)

2.3. Yêu cầu Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội chỉnh lý cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 262599, ngày 19/3/2000. Số vào sổ cấp GCN: 18198 cho ông Trần Văn H và bà Chu Thị X theo đúng hiện trạng thực tế các hộ liền kề đang sử dụng tại các điểm mốc có tọa độ như trên.

2.4. Về án phí: Ông Trần Văn H và bà Chu Thị X chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền

300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011834 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả ông H bà X 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thiết